

không định tuyến trong tư duy hay hành động, có thể thấu cảm với người khác, do vậy thường có chỉ số EQ cao.

Guilford cho rằng tính nhạy cảm là yếu tố cần thiết cho các pha: pha chuẩn bị, pha bùng sáng và pha chứng thực của quá trình sáng tạo. Theo thuyết văn hoá về tính sáng tạo, tính sáng tạo là sản phẩm của những quan hệ mới giữa con người, hoàn cảnh sống. Còn theo nhà tâm lí học Tumin (1962) thì hoạt động xã hội là nền tảng của trí sáng tạo, trí sáng tạo được hình thành từ sự tương tác của những cá nhân lành mạnh và có chức năng nhất định với môi trường sống của họ. Những người có EQ cao là người có xúc cảm tinh táo, họ làm chủ được xúc cảm của bản thân, hoà được xúc cảm của mình vào với xã hội. Do vậy họ có nhận thức, đánh giá đúng về xã hội, có những thông tin phong phú về xã hội. Những thông tin đó là cơ sở để có được sự sáng tạo có hiệu quả cao. Như vậy trí tuệ cảm xúc cao cũng là một điều kiện cho sự sáng tạo.

Qua phân tích trên đây cũng thấy rằng trí thông minh tuy không phải là yếu tố quyết định nhưng trong mối liên hệ nói chung thì đó là yếu tố cơ sở, là điều kiện cần của CQ và EQ.

Kết quả

Trong quá trình nghiên cứu, Đề tài KX 05-06 rất quan tâm đến mối quan hệ giữa các chỉ số IQ, CQ và EQ. *Vậy mối tương quan giữa các chỉ số này biểu hiện như thế nào ở các độ tuổi học sinh phổ thông và chúng tương quan như thế nào với điểm học tập (điểm môn Toán, môn Văn và điểm trung bình các môn).*

Kết quả phân tích mối tương quan giữa các chỉ số IQ, CQ, EQ trên nhóm mẫu học sinh lớp 5-9 được trình bày trong bảng 1. Điểm của hai trắc nghiệm đo IQ được thiết kế dựa trên mô hình lí thuyết truyền thống và lí thuyết mới về trí thông minh có

tương quan với nhau rất chặt ($r = 0.79$), điều này chứng tỏ các trắc nghiệm này có độ hiệu lực tiêu chuẩn bảo đảm. Điểm số CQ có tương quan thấp với điểm IQ ($r = 0,16$ và $r = 0,17$), kết quả này phù hợp với các nghiên cứu của nước ngoài. Tuy nhiên kết quả phân tích cho thấy hầu như không có tương quan giữa điểm IQ với điểm EQ đo bằng trắc nghiệm BarOn-i:YV. (Chính BarOn, tác giả của trắc nghiệm, trong các nghiên cứu của mình đã cảnh báo: *điểm EQ đo bằng trắc nghiệm tự đánh giá của ông đo cả các năng lực phi nhận thức (nét nhân cách) nên có tương quan thấp hoặc không có tương quan với IQ*). Điểm IQ có tương quan đáng kể với điểm môn Toán ($r = 0.35$ và $r = 0.37$) và điểm trung bình các môn ($r = 0.56$ và $r = 0.54$). Điểm CQ có tương quan thấp với điểm học tập trung bình các môn ($r = 0,16$). Điểm EQ hầu như không có tương quan với điểm học tập các môn học (xem bảng 1). Sử dụng mô hình hồi quy hợp biến đánh giá mối quan hệ giữa các chỉ số này với điểm học lực trung bình các môn cho thấy chúng có tương quan khá chặt ($r=0,548$). Điều này có nghĩa là các chỉ số này có thể giải thích cho khoảng 29,7% thành tích học tập của những học sinh lớp 5-9 được nghiên cứu. Như vậy các môn học đều góp phần hình thành các năng lực tư duy, năng lực sáng tạo và năng lực cảm xúc và ngược lại các năng lực này cũng giúp cho học sinh thành công học đường.

Kết quả phân tích mối tương quan giữa các chỉ số IQ, CQ, EQ trên nhóm mẫu học sinh lớp 10-12 được trình bày trong bảng 2. Hai trắc

Bảng 1: Tương quan giữa các chỉ số IQ, CQ, EQ trên nhóm mẫu HS lớp 5-9

Điểm	IQ (Munzert)	IQ (STAT)	CQ (Urban)	EQ-i:YV (BarOn)	Điểm học lực môn toán	Điểm học lực môn văn
IQ (STAT)	0.79** N = 1905					
CQ của Urban	0.16** N = 1903	0.17** N = 1904				
EQ-i:YV của BarOn	0.01 N = 1853	0.03 N = 1853	0.01 N = 1851			
Điểm môn toán	0.35** N = 866	0.37** N = 866	0.01 N = 865	0.07 N = 842		
Điểm môn văn	0.28** N = 865	0.28** N = 865	0.02 N = 864	0.07 N = 841	0.78** N = 867	
Điểm trung bình các môn	0.56** N = 758	0.54** N = 758	0.16** N = 759	-0.03 N = 736	0.85** N = 427	0.82** N = 427

** P<.001

nghiệm đo IQ vẫn có tương quan với nhau khá chặt ($r = 0.66$). Điểm CQ có tương quan đáng kể với điểm IQ ($r = 0,45$ và $r = 0,47$), kết quả này cũng phù hợp với các kết quả đã công bố từ các nghiên cứu của nước ngoài (Bremner, 2000). Điểm IQ có tương quan ở mức vừa phải với điểm EQ ($r = 0.33$ và $r = 0.34$). Điểm CQ có tương quan vừa phải với điểm EQ ($r = 0.25$). Do trắc nghiệm MSCEIT được thiết kế theo kiểu thuận năng lực (không gồm các năng lực phi nhận thức) nên điểm EQ đo bằng trắc nghiệm này có tương quan chặt hơn với điểm IQ và CQ.

sinh thành công học đường.

Kết quả so sánh điểm chuẩn IQ, CQ, EQ theo nhóm cho thấy có 61/ 914 học sinh lớp 10-12 được điều tra có cả 3 chỉ số này đều thấp < 90. Những học sinh này thường gặp nhiều khó khăn học đường. Có 423/ 914 học sinh có cả 3 chỉ số này đều ở mức trung bình trở lên (90), đây là những học sinh dễ thành công học đường (có 90,3% số học sinh nhóm này có điểm học tập trung bình từ 6,50 trở lên). Kết quả nghiên cứu cho thấy chỉ có rất ít học sinh (có 3 em) có điểm IQ thuộc nhóm thấp mà điểm CQ và điểm EQ

Bảng 2: Tương quan giữa các chỉ số IQ, EQ, CQ với điểm học lực của HS lớp 10 -12

Điểm	IQ (Munzert)	IQ (STAT)	EQ (MSCEIT)	CQ (Bremner)	Điểm học lực môn toán	Điểm học lực môn văn
IQ (STAT)	0.66** N = 1134					
EQ (MSCEIT)	0.33** N = 975	0.34** N = 978				
CQ của Bremner	0.45** N = 1068	0.47** N = 1072	0.25** N = 926			
Điểm học lực môn toán	0.42** N = 422	0.38** N = 418	0.10 N = 359	0.32** N = 432		
Điểm học lực môn văn	0.28** N = 421	0.22** N = 417	0.34** N = 358	0.22** N = 395	0.42** N = 432	
Điểm học lực trung bình các môn	0.46** N = 751	0.40** N = 748	0.31** N = 629	0.32** N = 704	0.82** N = 328	0.66** N = 327

** P<.001

Kết quả phân tích mối tương quan giữa các chỉ số IQ, CQ, EQ với điểm học lực môn Toán, môn Văn và điểm trung bình các môn học cho thấy điểm IQ và CQ có tương quan chặt hơn với điểm học lực môn Toán (r từ 0.32 đến 0.42), còn điểm EQ có tương quan chặt hơn với điểm môn Văn ($r = 0.34$). Các chỉ số này đều có tương quan ở mức vừa phải với điểm học lực trung bình các môn (r từ 0,31 đến 0,46). Sử dụng mô hình hồi quy hợp biến đánh giá mối quan hệ giữa các chỉ số này với điểm học lực trung bình các môn cho thấy chúng có tương quan khá chặt ($r=0,498$). Điều này có nghĩa là các chỉ số này có quan hệ tương đối chặt với điểm học lực trung bình các môn học và chúng giải thích cho khoảng 24,5% thành tích học tập của những học sinh lớp 10-12 được nghiên cứu. Như vậy các môn học đều góp phần hình thành các năng lực tư duy, năng lực sáng tạo, năng lực cảm xúc và ngược lại các năng lực này cũng giúp cho học

t h u ộ c nhóm trên trung bình trở lên. Điều này một lần nữa khẳng định các chỉ số trí tuệ: IQ, CQ, EQ có quan hệ với nhau, trong đó chỉ số IQ có vai trò nền tảng để phát

triển các chỉ số trí tuệ khác. Kết quả nghiên cứu này cũng phù hợp với các công trình nghiên cứu của nước ngoài (Stankov, ETS, 2004).

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo nghiệm thu đề tài KX05-06, 2005
2. Bar-On. R & Parker..J.D.A (2000). *The Handbook of Emotional Intelligence*. JOSSEY-BASS.
3. Cherniss. C & Goleman. D (2001). *The Emotionally Intelligent Workplace*. JOSSEY-BASS.
4. Sternberg. R (2000). *Handbooks of Intelligence*. Cambridge University Press.
5. Nguyễn Công Khanh. *Hướng dẫn sử dụng SPSS for Windows để xử lí, phân tích số liệu nghiên cứu trong KHXH*. NXB Đại học Quốc gia 2000.

SUMMARY

The article deals with the expressions of the relationship between these quotients at the school age, and how they relate to test scores and confirms that they are associated with each other, of which IQ play a foundation role.

VIỆC ĐỌC HIỂU VĂN Ở CỘNG HÒA LIÊN BANG ĐỨC VÀ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

• GS.TS. NGUYỄN THANH HÙNG

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

Vài lời gọi mở

Giới hạn của phương pháp so sánh là chỉ tiến hành từng phần thì mới cho kết luận rõ ràng. Như thế sự vật, hiện tượng được so sánh chỉ bộc lộ ra cái bề ngoài và phiến diện của nó mà thôi. So sánh là vô hạn và không thể một lúc để có cái nhìn chính xác, toàn diện. So sánh phải dựa trên cùng loại, cùng thời, cùng điều kiện, cùng bình diện, cùng hệ thống tương tác phát triển, cùng môi sinh nuôi dưỡng, cùng kích thước chuẩn cứ, cùng quan điểm, thái độ công bằng chính trực của đạo đức khoa học thì mới có ích. Cái lợi ích trong phương pháp so sánh chính là để thấy sự khác nhau, là đi đến nhận thức sự đa dạng, phong phú và con đường hình thành phát triển sự vật hiện tượng. Đó là đặc điểm và lợi ích của so sánh văn học để tìm ra chân lí và sự thật nào đó. Nói như Gớt khi nhận định về sức sống của văn học, và có lẽ Gớt chỉ đề cao điều đó nên mới nói "chỉ có sự dồi dào của văn chương mới là xác thực". Phương pháp so sánh văn học dĩ nhiên rất khác văn học so sánh (Literatur compare) như một khoa học chuyên ngành. Lĩnh vực này tôi không am hiểu lắm. Nhưng muốn có văn học so sánh mang tính khoa học khách quan trước tiên phải bước qua "xác" của phương pháp so sánh để hoá giải được những điều phức tạp, khó khăn như đã nêu.

So sánh một cách "loại thoi" thôi, nghĩa là mới thấy sự so le có tính chất đối chiếu nội dung đọc hiểu văn ở Đức và Việt Nam để cùng suy nghĩ.

1. Đọc gì?

Chúng ta ngầm thoả thuận ở đây là đọc hiểu văn chương. Văn chương nói chung không xác định được và cũng không cần khẩn thiết xác định. Nó không phải là bom nguyên tử để giải trừ, nó cũng không phải là HIV để phòng ngừa và không là dịch cúm gà để đốt xác. Nó là nó, là những đơn tử sinh sôi. Nó sống và chết, tươi tốt và héo tàn, lúc trọng lúc khinh, nó kệ tất và cũng không cố tự đề cao mình. Nó có toạ độ, nhưng

chẳng lệ thuộc quá nhiều vào trước vào sau gì cả. Như cỏ mọc trên mặt đất người đời, nó tạo thành "chất lỏng hồi sinh". Thế thôi.

Đọc văn chương là đọc một cái gì cần nắm được trong tay, đó là tác phẩm. Tác phẩm là thứ được soi ngắm và đong đếm như một đơn vị kiểm soát được trong khi đọc. Tuy thế cũng thật khó thay! Một bộ tiểu thuyết trường thiên là một tác phẩm, một câu tục ngữ hai dòng cũng là một tác phẩm, mà thế giới gọi là "một văn bản thi ca nhỏ nhất". Cái khó khăn để hiểu tác phẩm lại là tính thống nhất năng động (dinamik) và biện chứng (dialektik) giữa bản chất nghệ thuật và bản chất khoa học của tác phẩm văn chương. Nôm na mà nói là sự hòa quyện và hoá giải giữa cái đúng và cái gần đúng, giữa chân lí và sự thật ở đời trong tác phẩm văn chương làm nên một cái gì đó để được gọi là giá trị của tác phẩm. Giá trị chân, thiện, mỹ có còn là giá trị để xác định chính xác nữa không khi tách ra từng mặt của vấn đề. Nói giá trị là nói cái điều khó đầy đủ nhất, hay lại phải trông chờ vào bản chất tác phẩm văn chương. Nhiều học giả rất đề cao "bản chất người" của văn học. Nhưng bản chất người ấy là gì? Là "cây sậy biết suy nghĩ", là thánh đạo trong thiện ác, là thực thể hoà đồng quan hệ xã hội, là động vật thích nghi giỏi, là con vật tự diễn giải về mình, hay là động vật mù quáng trong sáng tạo? Cho dù có xác định được bản chất đúng đắn nào đó của văn chương nhưng vẫn còn đó điều cần dè dặt khi dựa vào bản chất để tìm giá trị. Nước biển là đồng chất trong một giọt và trong cả đại dương, đúng không? Nhưng giọt nước biển chỉ vừa tắm với giọt mồ hôi hay đẹp hơn nữa cũng chỉ là một giọt khóc. Còn đại dương lại là một vùng không gian tụ nước mênh mông, một trời mây của sóng. Thật khác nhau. Ở đây chúng ta chạm tới một điều thường hay nói nhưng không chắc lắm. Đó là tác phẩm lớn. Dung lượng là một phần làm nên tác phẩm lớn nhưng chưa đủ. Người đọc biết đâu là lớn, là nhỏ

để lựa chọn tác phẩm mà đọc. Họ đọc như một chuyện bình thường. Do ngẫu nhiên và dụng ý. Do tình cờ và thời thượng. Do tự giác và bị lôi kéo. Họ hiểu cái vừa tầm và được nghiền ngẫm. Nhìn chung, người ta đọc không cần biết mấy những gì khoa học văn học cho là quan trọng và được tiêu chuẩn hoá. Như vậy đọc hiểu văn chương cần thiết trở thành nội dung cơ bản trong nhà trường để góp phần đào tạo người đọc tinh hoa, phát huy tác dụng và ảnh hưởng vào văn hoá đọc của một thời. Giá trị chân, thiện, mỹ của tác phẩm văn chương tương ứng với chức năng nhận thức, chức năng giáo dục và chức năng thẩm mỹ đã được thừa nhận. Nếu giá trị chỉ trông chờ vào chức năng thì hình như lại là sự "bất bóng" ở bên ngoài tác phẩm. Có lẽ phải tìm giá trị ở trong nội tình tác phẩm để hiểu được sự sáng suốt của tư tưởng hiển minh, lẽ phải trái "có mình có ta" ở đời, hiểu được lòng tốt và sự tử tế như cái giản đơn mà khó đạt. Sự hiển triết của nhân dân đánh giá rất cao cái đẹp của lòng tốt và sự tử tế ấy nếu nó vượt qua và đứng cao hơn cái lợi. Nói đến cái tốt phải nhấn mạnh quan hệ qua lại của con người mong ước điều tốt lành cho mình và cho người khác. Nó thuộc vào tình cảm khoan dung (bienveillance). Trong khoan dung còn thấy cả sự hiểu biết (non-ignorance) tức là có mối quan hệ hữu cơ với nhận thức (conscience). Nhận thức tình người để yêu hơn, để được yêu và đòi hỏi khám phá để xoá bỏ bóng tối của con người. Phân tích trợ trên chức năng giáo dục đạo đức một chiều và chỉ lo hướng thiện chủ quan sẽ làm cho tác động của văn học yếu mềm, làm cho con người ảo tưởng và mất phương hướng. Giá trị đạo đức trong tác phẩm tồn tại dưới dạng hỗn hợp xúc động. Nó là sự vận động không ngừng giữa các cực tâm, giữa huyền thoại và sự sa ngã, tha hoá của con người (der sich entfremdete Geist) để tìm về địa vị phối thai thường nhật của con người trong thời gian. Chức năng nhận thức, giáo dục liên hệ mật thiết tự nhiên với chức năng thẩm mỹ, với sự hiểu biết cái đẹp tự sinh thành của con người như một giá trị. Cái đẹp là hiện tượng có mặt trong tác phẩm văn chương, nhưng nó có được xem là một giá trị không còn là chỗ nó tự rời bỏ mình để trở thành niềm vui thú, niềm tin tưởng và khát vọng sống tốt đẹp ở con người. Tính khám phá và tính sáng tạo là nhân lõi của cái đẹp trong tác phẩm văn chương. Nó cổ vũ cái mới, cái có mặt lần đầu

tiên, tạo nên sức đẩy để cách tân và đổi thay mang tính cách mạng. Tâm vóc lớn lao và giá trị của một tác phẩm văn chương như Lênin đã nói nó phải chứa trong mình chí ít là một khía cạnh nào đó của cách mạng. Tôi nghĩ không chỉ là cho một phạm trù hiện thực cuộc sống như thế mà nên nhiều cho cả phạm trù nghệ thuật, tư tưởng, đạo đức.... Phép lựa chọn những giá trị mới đó phải đồng hướng, đồng tình, đồng cảm và đồng nguyên với văn minh và văn hoá.

Sự khó khăn lớn nhất trong hiểu biết văn chương như ta biết, là chỗ giao nhau giữa các quan điểm (points), là sự mờ mờ nước đôi của "chiến lược quyến rũ" và sự giăng bẫy ngọt ngào của nhà văn với cách thức thâm nhập và sự chuyển dạng hoạt động đọc hiểu của công chúng. Điều này có nghĩa là tác phẩm trở lại cuộc đời bởi nhiều hình thức hấp thụ, tiếp nhận khác nhau và với cái giá là phải gồng mình lên để tác phẩm và cuộc đời cuối cùng không loại trừ lẫn nhau trong sự thanh tâm của người đọc. Như vậy giá trị tác phẩm văn chương còn là, và nên là "miền trao đổi trung gian" (Zone médiane d'échange) giữa tính vô ước và bất định của những lí tưởng nào đó và tính xác định trong việc tự diễn giải của người sáng tạo và người đọc văn.

Muốn khám phá giá trị của tác phẩm văn chương nên chẳng hãy nghĩ tới độ kết tinh tư tưởng tình cảm của con người về một cuộc sống thực sự tốt đẹp. Càng lắng đọng được sự tốt đẹp của cuộc sống thành những tinh thể đặc rắn trong tác phẩm văn chương thì sự bùng nổ và sức tác động lan truyền của nó là vô bờ bến.

Một tác phẩm lớn, một tác phẩm có giá trị thực sự phải có độ kết tinh và sức tác động mạnh mẽ vào khả năng tìm kiếm giá trị con người và cuộc đời trong mỗi con người. Các nhà khoa học nước ngoài thường dùng thuật ngữ "kanon" để chỉ những tác phẩm như thế. Tuy vậy những tác phẩm thành danh được thừa nhận rộng rãi và đã trở thành cổ điển rồi có mãi mãi vẫn là tác phẩm lớn không? Vấn đề kiệt tác hôm nay có giống kiệt tác ngày qua không cũng thành chuyện cần bàn. Trên cơ sở tư duy phê phán và cái nhìn trí tuệ lạnh lùng của nhà khoa học Wintersteiner, (đấy là hiệu danh "đá mùa đông" của ông) thì tác phẩm lớn nào cũng cần được cân nhắc lại về cái được, cái mất, cái lụi tàn và loé sáng của nó. Theo ông một tác phẩm lớn ở hàng kiệt tác không phải là sự an bài lịch sử mà còn là gì nữa